

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2021/TLST- KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C; địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, cao ốc S, số C, phường B, quận H, thành phố Hồ Chí Minh; Người Đại diện theo pháp luật: Ông Ch ; Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Minh B; Chức vụ: phó phòng thu hồi nợ; Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Trần Quốc Đ; chức vụ: chuyên viên; địa chỉ: Tầng L, tòa nhà C, đường P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. (theo giấy ủy quyền số 293.2022/GUQ-COL ngày 10/6/2022).

- Bị đơn: Công ty Gi; Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Ng; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Văn Ng; Sinh năm 1968; Địa chỉ: phố A, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

1. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 22/9/2022, Công ty Gi còn nợ Công ty C phát sinh theo hợp đồng cho thuê tài chính số C180312112 ngày 28/3/2018 sau khi đã trừ 40% lãi quá hạn sau chấm dứt hợp đồng tổng số tiền là 659.913.094 đồng (sáu trăm năm mươi chín triệu, chín trăm mười ba nghìn, không trăm chín mươi tư đồng): trong đó tiền gốc là 523.099.688 đồng, lãi trong hạn là 46.934.305 đồng, lãi quá hạn trước khi chấm dứt hợp đồng là 1.324.342 đồng, lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng là 46.706.783 đồng, giá trị còn lại là 41.847.976 đồng.

và hợp đồng cho thuê tài chính số B180315912 ngày 20/4/2018 sau khi đã trừ 40% lãi quá hạn sau chấm dứt hợp đồng tổng số tiền 1.026.970.748 đồng (một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi tám đồng): trong đó tiền gốc là 809.489.167 đồng, lãi trong hạn là 75.546.244 đồng, lãi quá hạn trước khi chấm dứt hợp đồng là 3.807.144 đồng, lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng là 85.352.193 đồng, giá trị còn lại là 52.776.000 đồng.

Công ty Gi có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty C theo phương thức, thời hạn cụ thể như sau:

Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 10 năm 2022: Công ty Gi trả số tiền là 30.000.000 đồng.

Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 11 năm 2022: Công ty Gi trả số tiền là 40.000.000 đồng

Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 12 năm 2022: Công ty Gi trả số tiền là 50.000.000 đồng

Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 01 năm 2023: Công ty Gi trả số tiền mỗi tháng 50.000.000 đồng

Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 02 năm 2023: Công ty Gi trả số tiền mỗi tháng 50.000.000 đồng.

Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 03 năm 2023: Công ty Gi trả số tiền là 150.000.000 đồng

Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 04 năm 2023: Công ty Gi trả số tiền là 200.000.000 đồng

Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 05 năm 2023: Công ty Gi trả số tiền là 250.000.000 đồng

Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 06 năm 2023: Công ty Gi trả số tiền là 300.000.000 đồng

Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 07 năm 2023, Công ty Gi sẽ trả hết số tiền gốc và số tiền lãi phát sinh từ ngày 23/9/2022 trên nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong 02 hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Toàn bộ số tiền Công ty Gi trả nêu trên sẽ được Công ty C ưu tiên trừ vào tiền gốc.

Số tiền ký cược bảo đảm của Công ty Gi cho Hợp đồng số C180312112 ngày 28/3/2018 là 116.244.377 đồng và Hợp đồng số B180315912 ngày 20/4/2018 là 146.600.000 đồng sẽ trừ vào tiền gốc và lãi phải trả cho Công ty C trong tháng 07 năm 2023.

Công ty Gi thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Công ty C sẽ giảm 40% lãi suất quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp Công ty Gi vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào nêu trên thì Công ty C sẽ không giảm 40% lãi suất quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng như đã nêu trên và yêu cầu Công ty Gi phải trả toàn bộ số tiền còn nợ theo 02 hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên.

Nếu Công ty Giống cây trồng Con nuôi Ninh Bình không thanh toán đầy đủ số tiền nợ thì buộc Công ty Giống cây trồng Con nuôi Ninh Bình hoàn trả cho Công ty Chailease Tài sản thuê còn lại là 09 chiếc máy là:

01 Máy cấy lúa

- Model: KUBOTA SPV-6CMD;

01 Máy gieo hạt

- Model: KUBOTA SR-K800VN;

- Mã serial: #S04835#

02 Máy gặt đập liên hợp KUBOTA DC-70

- Model: DC-70H-VN;

- Loại: DC-70;

- Xuất xứ: Thái Lan.

04 Máy kéo nông nghiệp

- Model: KUBOTA L5018;

01 Máy phân loại củ khoai tây Exported by: GENYOND MACHINERY INDUSTRIAL GPOUP LIMITED.

Mục đích để Công ty C thanh lý tài sản thuê và cần trừ vào số tiền thuê mà Công ty Gi còn nợ nói trên.

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc thanh lý Tài sản thuê không đủ bù đắp số tiền Công ty Gi còn nợ, thì Công ty Gi tiếp tục trả nợ cho Công ty C cho đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng thuê.

Trường hợp Công ty Gi không giao trả tài sản thuê hoặc không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình hoặc số tiền thu được từ việc thanh lý Tài sản thuê không đủ bù đắp số tiền Công ty Gi còn nợ thì ông Vũ Văn Ng có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C.

2.2. Về án phí: Công ty Gi nộp toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 31.303.000 đồng (Ba mươi một triệu, ba trăm linh ba nghìn đồng).

Trả lại cho Công ty C số tiền tạm ứng án phí là 32.600.000đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) mà Công ty C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000580 ngày 29/06/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP Ninh Bình;
- Chi cục THADS - TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Giang Thị Thúy Thu